

Các mối quan hệ kinh tế cần quan tâm nhằm phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay

TS TRẦN THỊ NGỌC MINH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Email: phuongbinh788007@gmail.com

TS NGUYỄN THỊ HỒNG LÂM

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Nhận ngày 5 tháng 2 năm 2022; chấp nhận đăng tháng 7 năm 2022.

Tóm tắt: Trong những năm đây, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ đã tạo ra những tiến bộ thần kỳ trong kinh tế và sẽ tiếp tục cung cấp nhiên liệu cho sự tăng trưởng của thế giới trong vòng hai hoặc ba mươi năm tới. Sự phát triển không ngừng có tính bùng nổ của lực lượng sản xuất, trong đó, tri thức đóng vai trò như lực lượng sản xuất chủ yếu đã dẫn đến sự hình thành một nền kinh tế mới - kinh tế tri thức. Bài viết phân tích các mối quan hệ kinh tế cần quan tâm nhằm phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: kinh tế tri thức; mối quan hệ; Việt Nam; phát triển.

Abstract: In recent years, the strong development of science and technology has created miraculous advances in the economy and will continue to fuel the growth of the world over the next two or three decades. The continuous and explosive development of the productive forces, in which knowledge plays the role as the main force, has led to the formation of a new economy namedly the knowledge economy. The article analyzes some economic relationships that need attention in order to develop the knowledge economy in Vietnam today.

Keywords: knowledge economy; relationship; Vietnam; development.

Nền kinh tế tri thức dựa ngày càng nhiều vào các thành tựu của khoa học - công nghệ gồm: Nghiên cứu, sáng tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới. Những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế tri thức là sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất trình độ cao, áp dụng những thành tựu tiên tiến nhất về công nghệ và kỹ thuật. Những sản phẩm của nền kinh tế thông tin có hàm lượng tri thức cao và giá trị gia tăng lớn. Trong nền kinh tế tri thức, dịch vụ có tỷ trọng lớn, vượt xa cả các ngành công nghiệp truyền thống. Kinh tế mạng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Internet là động lực mạnh mẽ và con đường nhanh nhất của tự do thương mại và toàn cầu hoá. Trong phần lớn các ngành, xu thế sáp nhập tạo ra những doanh nghiệp có tiềm lực khổng lồ như các ngân hàng, doanh nghiệp sản xuất ô tô, máy tính... Các doanh nghiệp lớn đã hợp tác với nhau để nâng cao sức cạnh tranh. Lực lượng lao động cũng có thay

đổi đáng kể. Nhu cầu về lao động chuyên môn kỹ thuật ngày càng tăng lên.

Tuy nhiên, kinh tế tri thức không phải là sân chơi riêng biệt của các nước phát triển, các nước đang phát triển cũng có những cơ hội thuận lợi để có thể rút ngắn những khoảng cách trong quá trình phát triển của mình. Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng đã xác định: “Phát triển kinh tế tri thức trên cơ sở phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ; xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng khoa học, công nghệ, trước hết là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ tự động, nâng cao năng lực nghiên cứu - ứng dụng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển mạnh các ngành và các sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, dựa nhiều vào tri thức”⁽¹⁾. Đến Đại hội XIII Đảng ta xác định: “thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát

triển mạnh khoa học và công nghệ”⁽²⁾. Và Đảng ta cũng tiếp tục làm rõ nội dung, yêu cầu: “có chiến lược phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế chung của thế giới và điều kiện đất nước [...]. Chú trọng phát triển đồng bộ khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị”⁽³⁾.

Hiện nay, dưới tác động của kinh tế tri thức, có nhiều mối quan hệ kinh tế đan xen tác động qua lại lẫn nhau. Để phát triển kinh tế tri thức, Việt Nam cần ưu tiên phân tích, giải quyết một số mối quan hệ cơ bản sau đây:

1. Mối quan hệ giữa các yếu tố của lực lượng sản xuất

Lực lượng sản xuất, một hệ thống những tư liệu sản xuất và con người sử dụng tư liệu sản xuất với kinh nghiệm và kỹ năng lao động của họ. Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại, khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Chính nó đã làm cho mối quan hệ giữa 2 yếu tố khách thể và chủ thể trong cấu trúc của lực lượng sản xuất có những thay đổi đáng kể. Như chúng ta đã biết, tri thức không tách rời hoạt động của con người. Sự sáng tạo gắn với tri thức của con người với tư cách là động lực của sự sáng tạo. Sự khác nhau cơ bản giữa người và động vật chính là ở sự sáng tạo. Tri thức được sáng tạo và tích lũy lại một cách hệ thống chính là khoa học. Khi nói khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp được hiểu là khoa học bắt nguồn từ nhu cầu của thực tiễn sản xuất - thực tiễn kinh tế do con người sáng tạo ra và được con người ứng dụng, đưa vào khai thác trong kinh tế. Những thành tựu khoa học có thể vật chất hóa trong kỹ thuật, công nghệ và cũng có thể vật chất hóa qua con người dưới dạng kỹ năng và kinh nghiệm. Điều đó cốt nghĩa vì sao lại xuất hiện công nhân áo trắng, áo veston thay cho công nhân áo xanh trước đây. Tri thức nhìn từ góc độ lực lượng sản xuất cho thấy các thời kỳ khác nhau có vai trò khác nhau. Sự đánh giá của lịch sử bắt nguồn từ sự phát triển giữa khoa học và kỹ thuật. Thời kỳ đầu khoa học phát triển chậm hơn kỹ thuật, rồi tiệm cận với kỹ thuật và sau đó vượt lên dẫn

đường cho kỹ thuật, công nghệ.

Từ vai trò khác nhau của khoa học làm cho quan niệm về vai trò giữa 2 yếu tố của lực lượng sản xuất không phải lúc nào cũng được đối xử một cách hợp lý. Thời kỳ đầu (gắn với văn minh nông nghiệp và văn minh công nghiệp) thường nhấn mạnh vai trò của yếu tố tư liệu sản xuất, chưa thấy hết vai trò của yếu tố chủ thể của lực lượng sản xuất là con người gắn liền với tri thức của họ. Vì vậy, trong chiến lược phát triển của lực lượng sản xuất thường không coi trọng tính đồng bộ. Dưới tác động của kinh tế tri thức mà cốt lõi của nó là công nghệ mới, nhất là công nghệ thông tin và tri thức gắn với lao động trí tuệ của con người, làm nảy sinh mối quan hệ mới, một chiến lược phát triển mới về lực lượng sản xuất - chiến lược phát triển đồng bộ hóa giữa tư liệu sản xuất hiện đại tương ứng với con người hiện đại. Chính nó đã tạo tiền đề kinh tế thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tiến bộ xã hội, thúc đẩy điều hòa giữa con người và thiên nhiên đảm bảo cho nền kinh tế phát triển bền vững. Tất nhiên, điều này phải dựa trên mối quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp. Có thể nhận biết chiến lược nói trên qua 2 đặc trưng mấu chốt: 1) Tính đồng bộ phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa 2 yếu tố khách thể và chủ thể trong cấu trúc của lực lượng sản xuất; 2) Tính hiện đại của 2 yếu tố tư liệu sản xuất và con người. Trong đó tính hiện đại của tư liệu sản xuất biểu hiện ở chỗ chúng dựa trên đặc trưng của công nghệ mới (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ năng lượng mới và năng lượng tái sinh, công nghệ vật liệu mới,...) và có khả năng chủ động khắc phục được hao mòn vô hình về công nghệ. Tính hiện đại của con người biểu hiện ở nguồn nhân lực chất lượng cao. Đại hội XI đã khẳng định: “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi; đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, văn hóa đầu đàn; đội ngũ doanh nhân và lao động lành nghề”⁽⁴⁾. Đến Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh: “... thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ”⁽⁵⁾.

Cần lưu ý rằng tính đồng bộ và tính hiện đại của chiến lược này còn đòi hỏi phải được thực hiện mỗi

quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của từng yếu tố khách thể và chủ thể trong cấu trúc của lực lượng sản xuất.

2. Mối quan hệ mới giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

Trong mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, sự phát triển nhảy vọt về chất của lực lượng sản xuất biểu hiện ở sự xuất hiện kinh tế tri thức. Đến lượt nó lại tạo những tất yếu cho sự điều chỉnh mới trong cấu trúc của quan hệ sản xuất (sở hữu, quản lý và phân phối). Thật vậy:

Kinh tế tri thức dựa vào tiền đề đầu tư vốn vô hình, thực hiện sự phát triển bền vững trên cơ sở lực lượng sản xuất xã hội hoá và nhất thể hoá kinh tế thế giới. Trong điều kiện đó, về mặt sở hữu, ngoài các đối tượng sở hữu đã có, còn xuất hiện đối tượng sở hữu mới - sở hữu trí tuệ - có vai trò ngày càng lớn chiếm tỷ trọng chi phối tổng đối tượng sở hữu hiện nay và tương lai. Chính nó đã làm thay đổi cơ cấu các nguồn lực và nâng cao vị thế của nguồn lực vô hình, làm thay đổi tiêu thức đánh giá sự giàu có giữa các tầng lớp và giữa các nước.

Dưới tác động của công nghệ mới, nhất là công nghệ thông tin và trí tuệ, nói cách khác là dưới tác động của kinh tế tri thức, lĩnh vực quản lý có sự thay đổi đáng kể. Nhiều thành tựu của kinh tế tri thức đã được ứng dụng trong quản lý. Chính sách và cơ chế quản lý kinh tế và công nghệ mang tính động lớn và lấy tri thức làm cơ sở để vạch hướng đi. Nói cách khác, chính sách, cơ chế và quyết sách quản lý phải được tri thức hóa. Hiệu quả quản lý trở thành nhân tố ngày một nổi bật đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững. Lao động quản lý trở thành một nghề đặc biệt. Sự cạnh tranh lao động, việc làm trong lĩnh vực quản lý không kém phần gay gắt, đe dọa nhân viên tác nghiệp do tri thức lạc hậu nhanh, nếu không được cập nhật.

Về quan hệ phân phối. Nếu như giá trị kinh tế nông nghiệp thể hiện ở chiếm hữu đất đai và sức lao động cơ bắp, giá trị kinh tế công nghiệp thể hiện ở sự chiếm hữu tiền của và tài nguyên, thì giá trị của kinh tế tri thức thể hiện chủ yếu ở sự chiếm hữu tri thức và trí lực. Trong điều kiện đó, quan hệ phân phối sở hữu trí tuệ, tư bản và thu nhập trong từng

nước và giữa các nước có sự thay đổi mới mang tính xu hướng sau đây: 1) Việc phân phối sở hữu trí tuệ gắn với nguồn lực vô hình vận động theo tỷ lệ thuận với các xí nghiệp, ngành, vùng, địa phương và quốc gia có lực lượng sản xuất đạt trình độ xã hội hóa cao biểu hiện qua kinh tế tri thức; 2) Tương tự việc phân phối tư bản (vốn) và thu nhập cũng vận động theo tỷ lệ thuận với các đối tượng nói trên. Nói cách khác, các xí nghiệp, ngành, địa phương và quốc gia nào tiếp nhận kinh tế tri thức càng sớm và càng nhiều thì các nguồn lực vô hình và thu nhập đến với họ càng lớn và càng giàu có. Trong điều kiện toàn cầu hóa, việc thực hiện xu hướng này, các công ty đa quốc gia và xuyên quốc gia có vai trò quyết định; 3) Khoảng cách về thu nhập và giàu nghèo giữa các nước ngày một xa hơn, việc thu hẹp khoảng cách đó là cả một quá trình gắn với sự nỗ lực chủ quan trong vận dụng cơ hội và vượt qua thách thức của các nước đang và kém phát triển. Đại hội XI của Đảng đã nhấn mạnh: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển là một chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa. Tập trung giải quyết tốt *chính sách lao động, việc làm và thu nhập*; khắc phục những bất hợp lý về tiền lương, tiền công, trợ cấp xã hội phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước”⁽⁶⁾. Đồng thời, nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Đại hội XIII của Đảng đã chủ trương: “Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ”⁽⁷⁾.

3. Mối quan hệ mới giữa các nguồn lực và vai trò của nguồn lực vô hình

Kinh tế tri thức lấy đầu tư nguồn lực vô hình làm chủ yếu. Nguồn lực vô hình bao gồm nguồn thông tin, tri thức, trí tuệ, truyền thống văn hóa của dân tộc. Nếu kinh tế công nghiệp truyền thống đòi hỏi số lượng lớn tiền của, thiết bị và vốn hữu hình thì trong điều kiện kinh tế tri thức, nền kinh tế lại phát triển trên cơ sở tri thức, trí lực và sự đầu tư nguồn lực vô hình. Đương nhiên, trong kinh tế tri thức cũng cần đầu tư nguồn lực bằng tiền của, thậm chí đối với công nghiệp kỹ thuật cao còn phải đầu

tư nguồn lực bằng tiền rất lớn, mang tính rủi ro cao. Nhưng muốn có nhiều ngành công nghệ cao không thể không đưa ngày càng nhiều thông tin, tri thức, trí lực... vào công nghệ sản xuất mới. Nói cách khác, phải đầu tư ngày càng nhiều các nguồn lực vô hình vào các ngành công nghiệp mới. Vì vậy, Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực chính của tăng trưởng kinh tế⁽⁸⁾. Tuy nhiên, sự gia tăng vai trò của các nguồn lực vô hình so với các nguồn lực hữu hình dưới tác động của kinh tế tri thức sẽ làm thay đổi quan điểm đánh giá về sự giàu có của mỗi quốc gia và giữa các quốc gia; sự đóng góp về kinh tế giữa con người dựa trên lao động cơ bắp và con người dựa trên lao động trí tuệ trong xã hội. Những công việc có thù lao cao của người có tri thức càng nhiều thì sự xuất hiện các cường quốc tri thức ngày càng tăng. Và theo quy luật “nước chảy chỗ trũng” sự bất bình đẳng về lợi ích kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực là rất rõ ràng, đây cũng là thách thức đang đặt ra đối với các nước đang và kém phát triển.

4. Mối quan hệ mới về kinh tế thị trường

Như chúng ta đã biết trình độ xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất dưới tác động của khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa đã đưa kinh tế thị trường phát triển từ thấp lên cao và làm xuất hiện kinh tế tri thức. Cùng với sự phát triển của kinh tế tri thức, kinh tế thị trường ngày càng phát triển sâu sắc và có những quan hệ mới hơn so với trước. Bước đầu có thể thấy các khía cạnh mới sau đây:

Một là, nét mới về thị trường: sự ra đời của “kinh tế mạng” đã giúp phát triển một đặc trưng mới, phương thức thương mại mới - thương mại điện tử. Với đặc trưng này, một phương thức giao dịch mới xuất hiện mà hiệu quả chưa lường hết được.

Cơ cấu, chủng loại thị trường ngày một đa dạng, phong phú. Trước hết một số thị trường các mặt hàng kỹ thuật cao ra đời. Điều đáng nói là thị trường này tuy mới ra đời, nhưng phát triển khá nhanh và ngày càng chiếm tỷ lệ lớn trong trao đổi quốc tế. Song song với thị trường hàng hóa kỹ thuật công nghệ cao là thị trường hàng hóa sức lao động chất lượng cao - hàng hóa gắn với lao động trí tuệ, một

thị trường mà quan hệ cung cầu sức lao động và cạnh tranh diễn ra khá gay gắt giữa lực lượng lao động gắn với lao động cơ bắp với tỷ trọng quá lớn so với lực lượng lao động gắn với lao động trí tuệ. Tình hình này làm cho khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa họ ngày càng xa hơn.

Hai là, tầm quan trọng về điều tiết vĩ mô của Nhà nước: trong kinh tế thị trường hỗn hợp hiện đại nói chung và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta nói riêng, dưới tác động của kinh tế tri thức, sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước trong xử lý mối quan hệ này là rất cần thiết không thể thiếu được.

Nhà nước thông qua hệ thống luật pháp, chính sách và cơ chế để điều chỉnh động thái kinh tế thị trường trong nước khi “quá nóng” hoặc khi “quá lạnh” nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

Dưới tác động của kinh tế tri thức, sản xuất thế giới mang tính toàn cầu, tính thâm thấu lẫn nhau giữa các nền kinh tế ngày một gia tăng, phân công và hợp tác lao động quốc tế đạt trình độ cao, nhịp độ và hiệu quả của kinh tế thị trường của mỗi nước phụ thuộc vào vai trò của nhà nước trong xử lý các mối quan hệ quốc tế. Bằng một hệ thống chính sách và cơ chế kinh tế đối ngoại, Nhà nước sử dụng một cách tối ưu lợi thế so sánh giữa các nước thông qua xuất nhập khẩu để mở rộng thị trường trong nước và quốc tế.

Ba là, vai trò các công ty xuyên quốc gia: trên bình diện quốc tế, các công ty xuyên quốc gia ngày càng phát triển và đã hình thành cục diện cạnh tranh mới khác với cạnh tranh của thị trường truyền thống, hình thành kiểu “trong anh có tôi, trong tôi có anh”, vừa cạnh tranh lẫn nhau vừa hợp tác với nhau. Trong vài thập niên gần đây, sự xuất hiện cục diện cạnh tranh mới làm cho tốc độ tăng trưởng thương mại thế giới vượt xa tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Dưới tác động của kinh tế tri thức sự hoạt động của kinh tế thị trường đòi hỏi các nước phải áp dụng đối sách mới về kinh tế đối nội và đối ngoại theo đó phải dùng nhân tài mới - nhân tài lấy tri thức và công nghệ cao làm đặc trưng - trên cả hai phương diện kinh tế vĩ mô và vi mô.

5. Mối quan hệ mới giữa vốn trí tuệ và lợi ích cá nhân

Trong nền kinh tế tri thức, vốn tri thức dễ di chuyển hơn vốn truyền thống. Các công nhân viên chức tri thức dễ dàng tìm nơi ưu đãi hơn. Cũng không có luật doanh nghiệp riêng mà trong một thể giới “kết nối mạng” sẽ tạo cho họ những website, những lợi thế chuyển đổi công việc không khó nếu họ có đủ năng lực. Các công ty phải tạo sự tin cậy, tăng độ thích thú với công việc, có cách trả lương mới. Như vậy, cũng góp vào quá trình dân chủ hoá hơn trong các mối quan hệ ở công ty và doanh nghiệp.

Đánh giá về vấn đề này, một thành viên Ban biên tập Tạp chí Fortune rất nổi tiếng thế giới cho rằng, những người lao động trong tương lai phải được đối xử như những “nhà đầu tư vào vốn trí tuệ”, vì những tư duy mới mẻ của họ giúp công ty giữ được tài sản quý giá, duy trì sức sáng tạo, sự thịnh vượng và đóng góp thúc đẩy công bằng xã hội.

Tuy nhiên, tình hình khả thi của những nội dung mới về kinh tế mang tính xu hướng nảy sinh trong điều kiện kinh tế tri thức phụ thuộc và việc tạo dựng nhanh hay chậm các điều kiện sau đây:

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước tiếp tục xây dựng quan điểm, chính sách và cơ chế nhằm hướng giá trị xã hội tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân tài. Đại hội Đảng XI đã nhấn mạnh: “Phát huy và sử dụng có hiệu quả nhất nguồn tri thức của con người Việt Nam và khai thác nhiều nhất tri thức của nhân loại. Xây dựng và triển khai lộ trình phát triển kinh tế tri thức đến năm 2020”⁽⁹⁾. Đến Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao [...]. Đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị đất nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”⁽¹⁰⁾.

Thứ hai, trong đào tạo nhân tài cho tương lai, nên lấy bồi dưỡng hệ thống nhân tài công nghệ hóa kỹ thuật cao làm chủ thể. Thực hiện ưu tiên đi trước một bước chi ngân sách đầu tư cho giáo dục đào tạo.

Thứ ba, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và công nghệ; gắn nghiên cứu phát hiện, nghiên cứu phát minh với nghiên cứu khai thác. Nâng kinh phí ngân

sách đầu tư cho nghiên cứu khoa học trong GDP. Nghị quyết Đại hội XI của Đảng đã khẳng định: “Phát triển năng lực khoa học, công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho những ngành, lĩnh vực then chốt, mũi nhọn, đảm bảo đồng bộ về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực. Nhà nước tăng mức đầu tư và ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ, các sản phẩm khoa học, công nghệ trọng điểm quốc gia...”⁽¹¹⁾. Đại hội XIII của Đảng đã xác định cụ thể hơn: “Thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử. Thực hiện chuyển đổi số trong tất cả các doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước”⁽¹²⁾. Và “...ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước”⁽¹³⁾. Theo đó, cần “...ưu tiên công nghệ số, kết nối 5G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), In 3D và Internet kết nối vạn vật”⁽¹⁴⁾.

Thứ tư, trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chuyển dịch nhanh cơ cấu ngành kinh tế sang ngành cốt lõi của kinh tế tri thức ngành công nghệ kỹ thuật cao gắn với việc hình thành các khu công nghệ kỹ thuật cao. Từng bước xây dựng một xã hội lấy việc tiếp cận kinh tế tri thức để hình thành tư duy và hướng phát triển.

Tựu chung lại, việc chuyển biến từ nền kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp và từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức đang là những nhiệm vụ to lớn mà Việt Nam phải thực hiện đồng thời. Nhờ sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ; sự cố gắng vượt bậc của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta; việc vận dụng tốt các mối quan hệ trong nền kinh tế tri thức, Việt Nam sẽ “...trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁵⁾/.

(1), (4), (6), (9), (11) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG Sự thật, Hà Nội, tr.220 - 221, 216 - 217, 43, 221, 218-219.

(2), (3), (5), (7), (8), (10), (12), (13), (14), (15) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, T.1, Nxb. CTQG Sự thật, Hà Nội, T.1, tr.140,140,142, 226, 227, 231, 235, 110, 227, 112.